

Định hướng cải cách thể chế kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu của các FTA thế hệ mới

CHU ĐỨC DŨNG*

Tóm tắt: Quá trình chuyển đổi nền kinh tế nước ta từ kế hoạch tập trung sang cơ chế thị trường đi liền với hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang đặt ra nhiều thách thức. Một trong số đó là cải cách thể chế đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết của các hiệp định thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Bài viết nêu một số nhận định về thực trạng cải cách thể chế của Việt Nam trong thời gian vừa qua và đề xuất một số kiến nghị đối với đây nhanh việc cải cách trong thời gian tới.

Từ khóa: Thể chế kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế, hiệp định thương mại song phương, Việt Nam.

Trong hơn 30 năm qua, cùng với quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế (KTQT) ngày càng sâu rộng (từ năm 1995), Việt Nam đã liên tục tiến hành các cải cách kinh tế và thể chế. Quá trình này đã đạt được một số thành công nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại không ít rào cản đối với thể chế ở nước ta, cản trở tiến trình thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Tháng 3/2018, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giữa Việt Nam và 10 nước thành viên đã được ký kết. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) cũng đang được thúc đẩy ký kết. Các FTA thế hệ mới được coi là

những hiệp định toàn diện, chất lượng cao. Tham gia sân chơi này, Việt Nam có nhiều cơ hội, nhưng những thách thức đặt ra cũng không ít, thậm chí ngày càng gia tăng. Vấn đề lớn được đặt ra ở đây là: làm sao thực hiện hiệu quả các FTA thế hệ mới để tăng cường nội lực, nâng cao năng suất lao động (NSLĐ) và sức cạnh tranh của nền kinh tế, từ đó tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của nước nhà phát triển nhanh và bền vững. Với những FTA thế hệ mới này, cải cách thể chế trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Việc đưa ra định hướng đúng sẽ tháo gỡ được những vấn đề thể chế nổi cộm ở nước ta, tạo động lực thực sự cho Việt Nam tham gia hiệu quả vào các FTA thế hệ mới là vấn đề cần thiết và cấp bách.

*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

1. Thực trạng cải cách thể chế kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua

Trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định trong cải cách thể chế kinh tế: chuyển từ thể chế tập trung kế hoạch hóa sang thể chế thị trường, tham gia sâu rộng vào hội nhập kinh tế quốc tế. Từ một nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, Việt Nam đã dần chuyển sang nền kinh tế định hướng thị trường từ những năm 1980; nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập từ năm 1989, và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN từ khoảng năm 2000.

Về thể chế thị trường. Trong hơn 30 năm qua, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện thể chế thị trường, và đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau: quyền tài sản của nhân dân được thiết lập và bảo vệ bởi hiến pháp và hệ thống luật như quyền đối với đất đai, cổ phần; quyền tự do kinh doanh của công dân đã ngày càng được mở rộng; đã xác định ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia thị trường, đặc biệt là việc xác lập địa vị bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; một số loại thị trường cơ bản đã được xây dựng như thị trường hàng hóa dịch vụ, thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường bất động sản, thị trường lao động.

Về thể chế nhà nước. Chính phủ đã ban hành và tổ chức thực hiện hai chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước - Chương trình Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 và Chương trình Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Quá trình cải cách này đã đạt được một số thành công nhất định: số lượng các Bộ và cơ quan ngang bộ đã được tinh giản đáng kể; nhà nước đã ban hành được một số lớn các luật quan trọng điều chỉnh hoạt động của các lĩnh vực kinh tế và xã hội; đã thực hiện tốt việc đơn giản hóa và công khai, minh bạch các thủ tục hành chính; đã triển khai tốt các phương thức quản lý tiên tiến như cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông” tại các cơ quan hành chính nhà nước ở bộ, ngành, địa phương; phân cấp cho các bộ, ngành, địa phương đã có những tiến bộ nhất định, nhất là việc phân cấp ngân sách.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số rào cản thể chế ở nước ta, cản trở tiến trình hội nhập KTQT của nước ta, nhất là việc tham gia vào các FTA thể hệ mới.

Về thể chế thị trường: các loại thị trường chưa đồng bộ và chưa tương tác hỗ trợ tốt cho nhau; vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia thị trường chưa được xác định đúng đắn; sự cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh vẫn chưa được tạo lập thực sự trên thị trường.

Về thể chế nhà nước: còn một số bất cập trong hệ thống luật pháp kinh tế của Việt Nam; vai trò nhà nước chưa được xác định đúng đắn. Nhà nước còn can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất - kinh doanh trực tiếp qua các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước (DNNN) và các tập đoàn kinh tế nhà nước, gián tiếp qua mối quan hệ rất chặt chẽ giữa nhà nước và nhóm đặc lợi của khu vực tư nhân; nhà nước vẫn nắm vai trò chủ yếu trong phân bổ các nguồn lực; bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế vẫn bị đánh giá là công kênh, nhiều tầng nấc, có những chức năng nhiệm vụ chồng chéo, có những chức năng nhiệm vụ còn bỏ trống.

Nhìn chung, Việt Nam thời gian qua vẫn chưa thật sự chú trọng tầm quan trọng của thể chế, cải cách thể chế đối với phát triển của nước ta. Các cải cách Việt Nam đã thực hiện đến nay trên thực tế chưa tạo ra những thay đổi lớn trong các thể chế kinh tế cơ bản, thể chế “gốc”, như quan hệ nhà nước - thị trường, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương, chế độ công vụ và tiền lương trong khu vực công, quyền tư hữu tài sản, sở hữu đất đai, doanh nghiệp nhà nước... Mặt khác, những đổi mới thể chế chính trị chưa được tiến hành đồng bộ với cải cách thể chế kinh tế, làm cho cải cách thể chế kinh tế không có được nền tảng vững chắc và sự hỗ trợ cần thiết. Trong khi đó, cải cách thể chế kinh tế là tiến trình đầy khó khăn, trước hết vì nó vấp phải sự kháng cự của thể chế hiện hành, trực tiếp là sự kháng cự của các nhóm lợi ích gắn với thể chế hiện hành.

2. Định hướng cải cách thể chế nhằm đáp ứng yêu cầu của FTA thế hệ mới

Để thực hiện hiệu quả việc hội nhập vào các FTA thế hệ mới, tạo động lực thúc đẩy kinh tế -

xã hội của đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới, Việt Nam cần thực hiện cải cách thể chế kinh tế mạnh mẽ trong thời gian tới. Bài viết xin kiến nghị những điểm sau đây:

i) *Cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế cần được đẩy mạnh, theo chiều sâu, và được ưu tiên hàng đầu, là khâu đột phá đầu tiên trong ba khâu đột phá mà Đảng đã đề ra.*

Trong ba khâu “đột phá” để tạo ra sự chuyển biến thực sự cho nền kinh tế mà Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) đề ra (cải cách thể chế, phát triển nguồn nhân lực và phát triển kết cấu hạ tầng), thì các tiến bộ của các đột phá về nhân lực và kết cấu hạ tầng phụ thuộc vào đột phá về thể chế. Trong Đề án tổng thể *Tái cơ cấu kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng*, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 2 năm 2013, sẽ không triển có kết quả tốt nếu thiếu những đổi mới và cải cách về thể chế.

Các cải cách thể chế Việt Nam trong thời gian tới cần hướng vào những vấn đề thể chế cơ bản hơn (như quan hệ nhà nước – thị trường, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương, chế độ công vụ và tiền lương trong khu vực công, quyền tư hữu tài sản, sở hữu đất đai, doanh nghiệp nhà nước,...) là các thể chế “gốc”, có ảnh hưởng quyết định đến các cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế khác.

Những cải cách bên trong của Việt Nam chưa theo kịp với tiến trình hội nhập của Việt Nam. Do vậy, để thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng cường nội lực, phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, nhờ đó tham gia có hiệu quả hơn vào quan hệ kinh tế quốc tế, Việt Nam cần gắn kết chặt chẽ hơn giữa hai tiến trình hội nhập và cải cách, và nhất là cấp thiết cải cách thể chế kinh tế trong nước.

ii) *Đổi mới kinh tế đi liền với đổi mới chính trị, đổi mới chính trị phải thực sự mở đường cho đổi mới kinh tế.*

Các đổi tác phát triển của Việt Nam đề cao các giá trị kinh tế thị trường, dân chủ, xã hội dân sự, nhà nước pháp quyền. Các giá trị đó cũng sẽ là động lực mạnh mẽ cho cải cách và phát triển kinh tế của Việt Nam, nếu được nghiên cứu, vận dụng thích hợp. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy,

thể chế chính trị có vai trò quan trọng gần như quyết định đối với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, đối với mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Do vậy, Việt Nam cần chủ động xây dựng một chiến lược tổng thể về hoàn thiện thể chế chính trị nhằm tạo môi trường trong nước và quốc tế thuận lợi cho phát triển, trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng và tăng cường các thể chế và chính sách nhà nước *nhằm phát triển nhà nước pháp quyền, mở rộng dân chủ, đảm bảo quyền con người*; hạn chế tối đa việc các đối tác thương mại lợi dụng những vấn đề này để gây sức ép với nước ta. Những đổi mới đó cũng sẽ có tác động tích cực đến tốc độ và sự thành công của đổi mới thể chế kinh tế, bởi vì thể chế chính trị và quyền lực chính trị luôn có tác động đến thể chế kinh tế.

Đại hội XII Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: ở nước ta, trong thời gian qua, “đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ” (ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016). Vì thế, Đại hội XII của Đảng xác định: tiếp tục quán triệt và xử lý tốt các quan hệ lớn; trong đó có quan hệ “giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị” (ĐCSVN - *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016).

Ngày 25/10/2017, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Trung ương VI, khóa XII: “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (Nghị quyết số 18). Đây là một nghị quyết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

Đổi mới chính trị bao gồm việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới vai trò quản lý của nhà nước, cũng như việc phát huy vai trò dân chủ của nhân dân. Vấn đề quan trọng trong đổi mới thể chế chính trị là đổi mới thể chế nhà nước, bao gồm các nội dung như: xác định rõ vai trò của nhà nước trong quan hệ với thị trường, đổi mới

bộ máy quản lý của nhà nước, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, củng cố kỷ luật kỷ cương của bộ máy nhà nước, thúc đẩy sự tham gia của công chúng và các tổ chức xã hội dân sự (XHDS) vào quá trình hoạch định các chính sách của nhà nước cũng như vào quá trình kiểm soát kiểm tra việc thực thi các chính sách nhà nước.

Trong giai đoạn hiện nay đổi mới chính trị, đổi mới thể chế nhà nước cần đóng vai trò quan trọng, quyết định đối với đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Trong thời gian qua, ở nước ta đã diễn ra những đổi mới quan trọng về thể chế kinh tế, nhưng thể chế chính trị ở nước ta còn rất lạc hậu, chưa theo kịp với những đổi mới về thể chế kinh tế, vì vậy chúng cản trở, gây khó khăn lớn cho đổi mới thể chế kinh tế, làm cho sự phát triển không cân đối, hiệu quả.

Con người luôn là nhân tố quyết định thành bại của sự phát triển kinh tế - xã hội. Cán bộ đóng vai trò nòng cốt trong việc nâng cao vai trò, hiệu lực của thể chế nhà nước. Vậy mà, trong thời gian qua, bất cập lớn nhất của bộ máy nhà nước lại là vấn đề cán bộ, đó là trình độ thấp kém của đội ngũ công chức, viên chức, cho cán bộ, đặc biệt là năng lực yếu kém của các nhà lãnh đạo, quản lý trong hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật.

iii) Nhận thức đúng đắn về vai trò của nhà nước và thị trường trong sự phát triển

Trong đổi mới thể chế nhà nước, vấn đề quan trọng hàng đầu là cần nhìn nhận một cách đúng đắn về vai trò của nhà nước đối với thị trường. Để tạo lập sự phát triển, về thể chế cần có các trụ cột: thị trường, nhà nước, XHDS. Trong đó, thể chế thị trường và nhà nước là cơ bản.

Thất bại của nhà nước và thị trường không kém gì nhau. Những khuyết tật và thất bại của thị trường gồm hai nhóm. Nhóm thứ nhất là những nhân tố là hạn chế tính “hoàn thiện” của thị trường, làm tăng chi phí giao dịch như độc quyền hóa và sự biến dạng của môi trường cạnh tranh, thông tin bất đối xứng, không minh bạch, quyền sở hữu không rõ ràng. Nhóm thứ hai liên quan đến những nhân tố mà bản thân thị trường không thể hoặc khó giải quyết như: sự phát triển kinh tế

ổn định và công ăn việc làm đầy đủ (các cuộc khủng hoảng chu kỳ và không chu kỳ diễn ra thường xuyên, lạm phát, thất nghiệp nhiều), hàng hóa công cộng, sự bình đẳng xã hội cao... Đặc biệt, không được phó thác ba lĩnh vực sau cho thị trường: thị trường tài chính - tiền tệ, phân phối thu nhập, môi trường và sinh thái (Sebastian Dullien, Hansjorg Herr, and Christian Kellermann, 2011). Bản chất của thị trường tài chính - tiền tệ là sự bất ổn định, đối với nó tính bất ổn là cố hữu, sự cân bằng chỉ là tạm thời. Vì vậy, thị trường tài chính không thể tự cân bằng được, muốn đạt tới sự cân bằng nhất thiết phải có sự can thiệp của nhà nước. Về vấn đề phân phối thu nhập, thị trường càng không có khả năng phân phối thu nhập một cách công bằng trong xã hội. Càng tăng trưởng kinh tế, thì những người ở vị thế bất lợi càng bị thiệt thòi. Nếu cứ để cho thị trường vận hành một cách tự do theo “bản năng” của nó thì sự bất công hay các vấn đề xã hội khác sẽ trở nên ngày một nghiêm trọng hơn. Không ai khác, nhà nước sẽ phải giải quyết những vấn đề này. Về môi trường sinh thái, thị trường không thể đánh giá đúng được giá cả của các tài nguyên thiên nhiên cũng như mức độ ô nhiễm môi trường, mà những đánh giá sai này có ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế.

Trên thực tế, nhà nước cũng có nhiều khiếm khuyết. Khuyết điểm lớn nhất của nhà nước là thiếu năng lực thể chế để xây dựng, điều chỉnh và thực hiện chính sách. Có thể có ba lý do sau dẫn đến sự yếu kém trong năng lực xây dựng, điều chỉnh và thực hiện chính sách của nhà nước. *Thứ nhất*, danh sách những công việc nhà nước cần làm là khá nhiều (nhất là trong giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế (KTQT) mạnh mẽ và sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0), nhưng năng lực của các nhà nước có hạn. Nhà nước không thể ôm đồm làm mọi thứ, giải quyết mọi vấn đề, nhà nước cần làm phù hợp với năng lực, sự điều tiết của nhà nước cần phải được chọn lọc. *Thứ hai*, xung đột lợi ích xuất phát từ bản chất lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm của các nhà hoạch định chính sách và các nhà chính trị. *Thứ ba*, có các nhân tố có thể làm hỏng việc

thực thi chính sách, kể cả những chính sách tốt như: độ trễ trong thực hiện chính sách, phân công của các chủ thể khác nhau, và tính bất định về tác động của chính sách.

Như vậy, trên thực tế, cả thất bại thị trường và nhà nước đều phổ biến. Vì vậy, vấn đề đặt ra là Nhà nước và thị trường cần được nhìn nhận như là những nhân tố bổ sung cho nhau, chứ không phải là mâu thuẫn, thay thế nhau trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế, nhất là trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập KTQT sâu rộng như hiện nay. Từ đó, nhà nước có thể phối hợp với các thể chế khác (như thị trường, và cảXHDS) trong thực hiện chính sách và mục tiêu phát triển. Ví dụ như đối với hàng hóa công, nhà nước là người đảm bảo cơ hội tiếp cận và không nhất thiết là người cung cấp. Doanh nghiệp tư nhân và cả doanh nghiệp nước ngoài có thể tham gia cung ứng nhiều hàng hóa và dịch vụ công cộng.

Trong việc lựa chọn các biện pháp và công cụ thực thi chính sách, cũng có thể kết hợp giữa các biện pháp hành chính và giải pháp thị trường. Ví dụ như trong các chính sách quản lý khu vực tư nhân, nhà nước cần vận dụng cả giải pháp hành chính và các công cụ thị trường như giá cả, thuế, tín dụng...

Từ đó cũng cần xem lại vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Trong quá trình phát triển nền kinh tế, nhà nước có hai vai trò cơ bản: *Thứ nhất*, nhà nước là người quản lý vĩ mô nền kinh tế. *Thứ hai*, nhà nước là chủ sở hữu kinh tế nhà nước, trong đó các DNNN đóng vai trò nòng cốt. Về nguyên tắc, với tư cách người quản lý toàn diện hoạt động kinh tế, nhà nước chỉ nên thực hiện vai trò “bà đỡ”, “nhạc trưởng”, thông qua việc tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, thông thoáng, bình đẳng và minh bạch cho các thành phần kinh tế. Theo ý nghĩa đó, nói tăng cường vai trò quản lý của nhà nước tức là hướng tới xây dựng mô hình nhà nước “hỗ trợ”, “phục vụ”, “nhà nước kiến tạo”, chứ không phải tăng cường vai trò “cai trị” của nhà nước. Cụ thể là, vai trò của nhà nước, đơn giản chỉ là tập trung sửa chữa các khuyết tật thị trường và cải thiện sự bất bình đẳng xã hội. Nhiệm vụ của nhà

nước trong sửa chữa các khuyết tật thị trường là: chống độc quyền, duy trì sự phát triển ổn định, lâu dài bền vững, hiệu quả của nền kinh tế. Những lĩnh vực mà nhà nước cần đặc biệt tham gia điều tiết là: thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường lao động và phân phối thu nhập, môi trường sinh thái, sự lưu chuyển các dòng vốn quốc tế.

Với vai trò chủ sở hữu các DNNN, Nhà nước chỉ là người bỏ vốn. Theo đó, Nhà nước chỉ sở hữu cổ phần mà nó đóng góp vào doanh nghiệp và có quyền tương ứng với phần vốn đã đóng góp, tương tự như các thành viên, cổ đông khác, chứ không phải là người quyết định cuối cùng hay toàn quyền đối với doanh nghiệp. Với tư cách là người góp vốn, Nhà nước không được phép trực tiếp can thiệp vào công việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chỉ có thể quản lý gián tiếp với tư cách cổ đông. Doanh nghiệp mới có quyền pháp nhân toàn diện vì là người trực tiếp kinh doanh; doanh nghiệp có quyền chi phối toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, bất kể là vốn do ai bỏ ra; doanh nghiệp với toàn bộ tài sản pháp nhân của nó tự chủ kinh doanh theo pháp luật, tự chịu lỗ lãi, nộp thuế theo quy định, có trách nhiệm bảo toàn và tăng giá trị tài sản trước người bỏ vốn.

iv) Nâng tầm tư duy và nhận thức đầy đủ, đúng đắn về thể chế thị trường trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đó cần phải là nền kinh tế thị trường hiện đại, hoạt động theo những quy luật của thị trường, mang tính khách quan, không thể tùy tiện áp đặt được. Đó là nền kinh tế hoạt động theo quy luật cung - cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh... tuân theo quy định của pháp luật, thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

- Nâng tầm tư duy và nhận thức đầy đủ về thể chế thị trường đòi hỏi phải dựa trên nền tảng lý luận vững chắc và cơ sở thực tiễn đúng đắn.

Văn kiện Đại hội X, XI, XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đều nêu rõ: hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN)

là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Tuy nhiên, cho đến nay, ở nước ta, tư duy, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN vẫn chưa rõ ràng, vẫn chưa hình thành được khung lý luận đầy đủ và hệ thống về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhất là một số nội dung về định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường, về vị trí vai trò của các DNNN trong nền kinh tế thị trường. Việt Nam lựa chọn kinh tế thị trường là rõ ràng và đúng đắn, bởi vì đó là con đường để đi đến thịnh vượng mà tất cả các nước giàu mạnh đều đã đi qua, những nước phủ nhận kinh tế thị trường thì đều đã thất bại hoặc đang gặp trục trặc. Sự không rõ ràng và thiếu xác định ở đây chính là định hướng XHCN. Công thức về CNXH đã bị thất bại trên thực tế ở các nước XHCN cũ như Đông Âu và Liên Xô. Công thức đó không thể tạo ra động lực để phát triển kinh tế, ít nhất trong thời đại ngày nay. Bởi vì, bản chất và hành vi của con người là tính cá nhân, tính vị kỷ, chứ không phải tính tập thể, công hữu. Trong chế độ công hữu, tình trạng ăn theo và “cha chung không ai khóc” là phổ biến, không ai chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, mô hình sở hữu mà nó tạo ra động lực để các nguồn lực xã hội được sử dụng hiệu quả chính là sở hữu cá nhân, tư nhân. Đồng thời, kinh tế thị trường và sở hữu tư nhân không thể dung hoà với định hướng XHCN, với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất làm chủ đạo. Định hướng XHCN sẽ kìm chế kinh tế thị trường, làm cho thị trường khó phát triển.

Trong mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, các DNNN luôn được coi là đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế. Từ thực tế trên, vấn đề về vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước trong nền kinh tế cần phải được xem xét lại. Trước hết, về mặt lý luận, trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, chưa hề có một luận điểm nào vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế. Thứ hai, về thực tiễn, thực tế hơn 30 năm đổi mới ở Việt Nam cho thấy khu vực kinh tế nhà nước đã không đảm trách nổi vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, xét trên nhiều mặt: về NSLĐ và hiệu quả cũng như tạo thêm việc làm, khu vực nhà nước luôn thua kém khu vực kinh tế

tư nhân; về khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như quốc tế, khu vực nhà nước cũng luôn yếu kém hơn khu vực kinh tế tư nhân; về tác dụng nêu gương: khu vực kinh tế nhà nước đã chỉ ra nhiều gương xấu như lãng phí nhiều, tham nhũng lớn, quản lý yếu kém... Thứ ba, về lý luận cũng như thực tế đều cho thấy, khu vực kinh tế tư nhân mới là động lực thực sự để phát triển kinh tế.

v) *Xây dựng môi trường kinh doanh thật sự thông thoáng, thuận lợi nhằm tăng cường vai trò của các chủ thể kinh tế*

Cạnh tranh là quy luật chủ yếu chi phối hoạt động của các chủ thể trên thị trường. Môi trường kinh doanh thật sự thông thoáng, thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh là môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Môi trường cạnh tranh lành mạnh có tác dụng quyết định đối với sự phát triển của thị trường nói riêng và nền kinh tế nói riêng.

Điều kiện quan trọng tạo điều kiện tiền đề cho cạnh tranh lành mạnh là sự bình đẳng của các chủ thể kinh doanh trên thị trường. Những bất bình đẳng trong việc tiếp cận các yếu tố đầu vào sẽ làm cản trở đối với các doanh nghiệp muốn tham gia thị trường. Hơn nữa, những bất bình đẳng này còn có thể gây ra nhiều tác dụng tiêu cực khác trong nền kinh tế. Chẳng hạn như, những doanh nghiệp bị đối xử bất công sẽ buộc phải có những hoạt động không chính thức (tham gia vào thị trường ngầm, hối lộ...) để đảm bảo khả năng cạnh tranh của mình. Tình trạng này sẽ hạn chế sự phát triển của các khu vực năng động trong nền kinh tế, cũng như làm méo mó các thể chế thị trường.

Trong bối cảnh hiện nay, cạnh tranh quốc tế có vai trò rất quan trọng. Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực không chỉ làm cho cạnh tranh quốc tế trở nên sâu sắc hơn, mà còn làm tăng NSLĐ và hiệu quả xã hội. Để tận dụng tốt các cơ hội của hội nhập, đòi hỏi phải tháo gỡ sớm những rào cản trong môi trường kinh doanh, tạo điều kiện tối đa cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, nhất là những doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn lực, được tự do kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm, ra sức phát huy năng lực và sáng tạo. Có như vậy, các doanh

ng nghiệp tư nhân mới có đủ sức tham gia vào cạnh tranh quốc tế và khu vực.

Để tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng thật sự đối với các thành phần kinh tế, không những cần có sự thay đổi tư duy quan điểm trong đường lối chính sách của Đảng, mà cần phải có thực hiện nghiêm minh Luật Cạnh tranh trong thực tế thực hiện.

vi) *Cải cách không chỉ nhằm đáp ứng các yêu cầu của các FTA thế hệ mới, mà còn phải phát huy tối đa lợi thế của Việt Nam.*

Cải cách thể chế ở Việt Nam cần chú ý tới lộ trình, tức là cần phải vạch ra những bước đi, giai

đoạn cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ đặt ra, chứ không thể tiến hành vội vàng, bỏ qua giai đoạn được. Ví dụ như việc cải cách thể chế thị trường phải được thực hiện theo những bước cụ thể, không thể tiến hành vội vàng, tùy tiện được. Giai đoạn đầu tiên là thực hiện việc xây dựng những điều kiện để phát triển thị trường như: tự do hóa thương mại, giá cả, tự do hóa tài chính, xây dựng nền kinh tế đa thành phần... Giai đoạn thứ hai là xây dựng khuôn khổ luật pháp cho thị trường. Giai đoạn thứ ba là xây dựng thể chế kiểm tra, giám sát hoạt động của thị trường (thể chế kiểm soát của nhà nước)♦

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt:

1. Lê Du Phong, Lê Huỳnh Mai (2017): *Tháo gỡ các rào cản về thể chế kinh tế - đòi hỏi bức xúc của phát triển kinh tế - xã hội ở ta hiện nay*, bài tham luận tại Hội thảo “Thể chế kinh tế và rào cản thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Lê Xuân Bá (2017): *Một số rào cản thể chế kinh tế, xét từ góc độ bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế*, bài tham luận tại Hội thảo “Thể chế kinh tế và rào cản thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
3. Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch Đầu tư (2016): *Báo cáo Tổng quan: Việt Nam 2035 – Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*.
4. Nguyễn Chiến Thắng (2017): *Cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam: thành tựu, bất cập và hướng cải cách tiếp theo*, Bài tham luận tại Hội thảo khoa học “Hoàn thiện thể chế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh mới”, Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Cung và Trần Toàn Thắng (2017): *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU: Tác động thể chế và điều chỉnh chính sách ở Việt Nam*, NXB. Thế giới, Hà Nội, 2017.
6. Nguyễn Kế Tuấn (2017): *Rào cản thể chế: tình trạng bất bình đẳng trong môi trường kinh doanh*, bài tham luận tại Hội thảo “Thể chế kinh tế và rào cản thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
7. Nguyễn Kim Phương (2016): *Hội nhập quốc tế về lao động - xã hội trong bối cảnh FTA thế hệ mới*, Hội thảo “Đánh giá tác động của các cam kết lao động trong chương phát triển bền vững của Hiệp định EVFTA” của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội” tại Hà Nội ngày 14 tháng 10.

8. Nguyễn Mạnh Hùng (2017): *Phát triển đồng bộ các loại thị trường trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam: những hạn chế, bất cập và giải pháp*, bài tham luận tại Hội thảo khoa học, “Hoàn thiện thể chế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh mới”, Hội đồng lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
9. Nguyễn Quang Thuần (2017): *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam: lý luận và thực tiễn*, bài tham luận tại Hội thảo khoa học “Hoàn thiện thể chế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh mới”, Hội đồng Lý luận trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Kiều Viên (2018): *Tham nhũng trong khu vực công vẫn nghiêm trọng*, Báo Thanh tra điện tử, ngày 24/2.
11. Nguyễn Thị Luyến: *Rào cản về thể chế kinh tế ở Việt Nam và nguồn gốc phát sinh*, bài tham luận tại Hội thảo “Thể chế kinh tế và rào cản thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2017.
12. Võ Đại Lộc (2017): *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng và hội nhập quốc tế*, tham luận tại Hội thảo khoa học “Hoàn thiện thể chế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh mới”, Hội đồng Lý luận trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

Tiếng Anh:

1. ADB (2010): *Institutional parameters of a region- wide economic Agreement in Asia: Examination of trans- pacific partnership and ASEAN+ Free Trade Agreement Approaches*. ADB working paper series on regional economic integration No. 67. <http://www.adb.org/publications/institutional-parameters-region-wide-economic-agreement-asia-examination-trans-pacific>.
2. Ben Bland and Shawn Donnan (2015): *Vietnam looks for reform and investment boost from TPP deal*, Financial Times, pp. 6 – 10.
3. Evans, W. & Ferguson, C. (2013): *Governance, institutions, growth and poverty reduction: a literature review*.
4. Knack, S. and P. Keefer (1995): *Institutions and Economic Performance: Cross Country Tests Using Alternative Institutional Measures*, Economics and Politics, 7, 3, pp. 207 - 227.
5. Nguyen Anh Tuan (2012): “Review of competition law enforcement in Vietnam: Does substance or procedure count?” *Establishing Sound Enforcement Priorities and Processes*. 8th ACF Conference Hong Kong
6. Peter A. Petri and Michael G. Plummer (2012): *The Trans-Pacific Partnership and Asia-Pacific Integration: Policy implications*. Washington, DC: Peterson Institute for International Economics.

Thông tin tác giả:

PGS.TS. CHU ĐỨC DŨNG

Email:

*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
chuducdung@yahoo.com.vn*